

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Thái Đào –
Tân An, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 29/5/2025 của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 80/TTr-SXD ngày 19/6/2025 kèm theo Báo cáo số 175/BC-SXD ngày 19/6/2025; Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 31/TTr-KCN ngày 10/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Thái Đào - Tân An, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000, với các nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi quy hoạch

a) Vị trí:

Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch phân khu KCN Thái Đào - Tân An thuộc địa bàn xã Thái Đào, huyện Lạng Giang và Phường Tân An, TP Bắc Giang.

+ Phía Bắc: Giáp với lô đất dự kiến Quy hoạch Khu đô thị số 8, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.

+ Phía Nam: Giáp với lô đất quy hoạch nghĩa trang, điểm tập kết rác thải mới và tiếp giáp trực tiếp với tuyến đường quy hoạch là đường vành đai II thành phố Bắc Giang.

+ Phía Đông: Tiếp giáp với tuyến đường quy hoạch đường Vành Đai V vùng thủ đô và tuyến đường Lam Hà hiện trạng.

+ Phía Tây: Tiếp giáp trực tiếp với tuyến đường quy hoạch là đường vành đai II thành phố Bắc Giang và 1 phần tiếp giáp với các lô đất quy hoạch (NTS; HKT; LUK).

b) Quy mô đồ án:

- Tổng diện tích lập quy hoạch khu công nghiệp khoảng 166,87 ha.

- Quy mô lao động dự kiến khoảng 15.800 lao động.

2. Tính chất

Khu công nghiệp Thái Đào - Tân An, tỉnh Bắc Giang được định hướng là khu công nghiệp chuyên ngành, thu hút các ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường; khu công nghiệp sản xuất và cung ứng dịch vụ cho sản xuất sản phẩm thuộc lĩnh vực ngành nghề như: Sản xuất, chế tạo thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin, ngành sản xuất ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao và thu hút ngành công nghiệp khác theo

quy định về khu công nghiệp chuyên ngành.

3. Quy hoạch sử dụng đất

a) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích		166,87	100,00
1	Đất nhà máy, xí nghiệp	A, B, C...	88,00	52,74
2	Thương mại - Dịch vụ	DV	16,66	9,98
3	Cây xanh - Mặt nước		26,69	15,99
a	<i>Cây xanh</i>	<i>CX</i>	17,25	10,34
b	<i>Mặt nước</i>	<i>MH</i>	9,44	5,66
4	Giao thông, bãi đỗ xe		28,90	19,6
a	<i>Đường vành đai II</i>		7,72	4,63
b	<i>Giao thông</i>		21,18	12,69
c	<i>Bãi đỗ xe</i>	<i>DX</i>	3,81	2,28
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	2,81	1,68

b) Bảng chỉ tiêu cho từng lô đất (*biểu tổng hợp kèm theo thuyết minh đồ án*)

4. Quy hoạch tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

- *Khu nhà máy, xí nghiệp:*

+ Quy mô 88 ha (chiếm 52,74%): Không gian kiến trúc toàn KCN được tổ chức thành các trục tuyến chính - phụ theo mạng giao thông phân cấp hạng các tuyến đường. Không gian kiến trúc của từng tuyến, trục và khu có các giải pháp riêng phù hợp với tính chất và hướng nhìn.

+ Các lô đất xây dựng nhà máy sản xuất công nghiệp được bố trí trên cơ sở mạng lưới giao thông đã được xác định. Các lô đất được quy hoạch linh hoạt nhằm đảm bảo cho việc chia ra hoặc ghép lại để phù hợp với yêu cầu của từng loại hình công nghiệp hoặc quy mô, dây chuyền công nghệ của các doanh nghiệp. Tầng cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%. Trong mỗi nhà máy phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu 20% theo quy định.

+ Bố trí quỹ đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, các doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật tại lô D với diện tích khoảng 5,24ha và bố trí đất dành cho doanh nghiệp sản xuất và cung ứng dịch vụ cho sản xuất sản phẩm chuyên ngành đảm bảo tỷ lệ trên 60% diện tích đất công nghiệp.

- *Khu điều hành, quản lý, công cộng - dịch vụ:*

+ Quy mô: 16,66ha (chiếm 9,98%): Bố trí tại các lô đất từ DV-01 đến DV-03 quy hoạch phân bố trên các tuyến đường chính KCN. Được xây dựng theo hình thức tập trung bao gồm: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm, khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện, thương mại dịch vụ,

trạm y tế, an ninh trật tự - phòng cháy chữa cháy – cứu hộ cứu nạn, cơ sở lưu trú, công trình văn hóa - thể thao, logistic tầng cao tối đa 9 tầng, mật độ xây dựng tối đa 50%.

- Khu vực hạ tầng kỹ thuật:

Quy mô khoảng 2,81 ha (chiếm 1,68%): Bố trí xây dựng: trạm cấp nước tại lô HT-01; Trạm bơm hoàn trả thôn Then tại lô HT02; Trạm bơm tại lô HT-03; Trạm điện 110kV tại lô đất HT-04 để dự phòng xây dựng Trạm điện theo đề xuất của ngành Công Thương; Trạm trung chuyển chất thải rắn tại lô HT05; Trạm xử lý nước thải tại lô HT-06, tầng cao tối đa 2 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Bố trí dải cây xanh cách ly tại lô đất HT-06 (có xây dựng trạm xử lý nước thải) theo quy định.

- Khu cây xanh, mặt nước:

+ Quy mô: 26,69ha (chiếm 15,99%). Trong đó: các khu vực cây xanh cách ly nằm bao xung quanh KCN và cây xanh tập trung đan xen trong KCN có tổng diện tích khoảng 17,25ha, chiếm tỷ lệ 10,34% tổng diện tích đất KCN. Đất cây xanh tập trung được bố trí tại khu vực trung tâm KCN và tại vị trí tiếp giáp khu kỹ thuật để tạo cảnh quan đẹp, làm cho môi trường khu công nghiệp thêm xanh và giảm thiểu sự ô nhiễm, mở ra các vùng không gian đệm với không gian ngoài hàng rào và mang cả chức năng hành lang an toàn hạ tầng kỹ thuật. Tầng cao tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%; Mặt nước trong phạm vi KCN có tổng diện tích khoảng 9,44ha, chiếm 5,66% tổng diện tích, chủ yếu là mặt nước kênh tiêu thoát nước.

+ Bố trí các vành đai cây xanh quanh KCN theo quy định, đường trục chính trong khu công nghiệp đều được trồng cây xanh hoặc thảm cỏ, cây xanh được trồng xen lẫn trong các lô đất xây dựng công nghiệp.

- Hệ thống giao thông và bãi đỗ xe:

+ Quy mô: 32,71 ha (chiếm 19,6%): Các đường trục chính của KCN cũng chính là các đường giao thông đối ngoại theo các quy hoạch vùng và hệ thống đường gom dọc theo các tuyến đường này tạo thành mạng lưới giao thông của KCN.

+ Giao thông với các nút giao thông có bán kính quay đảm bảo tiêu chuẩn, thuận lợi cho các phương tiện xe lưu thông có kích thước lớn vận chuyển hàng hóa, sử dụng hiệu quả

+ Bố trí 03 bãi đỗ xe tập trung trên trục giao thông chính với tổng diện tích 3,81ha (chiếm 1,68%). Bãi đỗ xe được bố trí để phục vụ cho việc tập kết các xe vận tải hàng hóa chờ bốc hàng, lấy hàng, phục vụ cho các xe bus chuyên chở công nhân đi làm. Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

+ Chỉ giới đường đỏ trùng với mép lộ giới;

+ Chỉ giới xây dựng phần tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 6,0m;

+ Chỉ giới xây dựng phần không tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 2m.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

5.1. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

+ Đường QL31: Nâng cấp mở rộng với quy mô mặt cắt 42m.

+ Đường tỉnh 299B: Cập nhật theo quy hoạch, mặt cắt đường rộng 50m.

+ Đường Vành đai V (Quy hoạch): Hướng tuyến và bề rộng đường theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị Bắc Giang (có cập nhật tìm tuyến mới theo phương án thống nhất của Sở Xây dựng).

+ Đường Vành đai II (TP Bắc Giang) (mặt cắt 2-2): Rộng 60m, trong đó: mặt đường chính $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$, dải phân cách giữa 6m, dải phân cách giữa đường chính với đường gom $2 \times 1,5\text{m} = 3\text{m}$, đường gom: mặt đường $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$, hè đường 2 bên $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$.

b) Giao thông nội bộ:

- Đường trục chính KCN (mặt cắt 1-1): lộ giới 74m, lòng đường $2 \times 15\text{m} = 30\text{m}$ (tuyến đường trục chính KCN dự kiến sẽ được đầu nối với tuyến đường gom của đường vành đai V).

- Đường vành đai KCN (mặt cắt 3-3): lộ giới 35m, lòng đường $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$.

- Các đường khác trong KCN: lộ giới 26-35m, lòng đường $2 \times (6\text{m}-10,5\text{m})$.

- Vành dừng xe: Trên các tuyến đường giao thông, có bố trí vành dừng xe đưa đón công nhân tại các vị trí phù hợp (kích thước chiều rộng khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 40m), đảm bảo an toàn toàn giao thông cho KCN.

5.2. San nền:

- Cao độ nền xây dựng: Được khống chế theo các tuyến đường hiện có và quy hoạch chung, phù hợp với hiện trạng thoát nước mặt khu vực.

- Hướng dốc từ Tây Nam sang Đông Bắc.

- Cao độ san nền hoàn thiện thấp nhất +6,00m; cao độ san nền hoàn thiện lớn nhất +7,50m.

- Khi san lấp hoàn thiện mặt nền phải đảm bảo thoát nước mặt nhanh nhất.

- Cao độ của các nút giao thông nội bộ phải đồng bộ với hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo thoát nước mưa tự chảy.

5.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước:

Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa riêng, độc lập với hệ thống thoát nước

thải, nguyên lý hoạt động theo chế độ tự chảy.

a) Phương án thoát nước mưa:

- Trên cơ sở quy hoạch chung xã Thái Đào, quy hoạch vùng huyện Lạng Giang và hiện trạng khu vực xung quanh khu quy hoạch, hệ thống thoát nước mưa được chia làm 3 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Thu nước ở phía Bắc về khu vực mương tiêu dự án và cống hộp theo quy hoạch đường giao thông có mặt cắt 3-3, sau đó xả ra tuyến mương hở rộng 20m nằm trên đường trục chính KCN.

+ Lưu vực 2: Thu nước ở phía Nam về khu vực mương tiêu dự án và cống hộp theo quy hoạch đường giao thông có mặt cắt 3-3, sau đó xả ra tuyến mương hở rộng 20m nằm trên đường trục chính KCN.

+ Lưu vực 3: Thu nước ở phía Tây về khu vực mương tiêu dự án và cống hộp theo quy hoạch đường giao thông có mặt cắt 2-2 và 4-4, sau đó xả ra tuyến mương hở rộng 20m nằm trên đường trục chính KCN.

- Xây dựng 02 hồ điều hòa để điều tiết nước mưa cho lưu vực phía Tây khu công nghiệp thông qua kênh tiêu nước phía Tây rộng 10m.

- Mạng lưới thoát nước chính chọn kết cấu cống tròn, cống hộp bê tông cốt thép (BTCT). Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu $i = 1/D$. Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau khoảng 30-50 m.

- Hệ thống thoát nước được thoát ra kênh tiêu theo quy hoạch chung. Cống hộp mương tiêu qua đường sử dụng cống hộp $2x(B \times H) = 2x(3 \times 3)m$.

b) Thoát nước thải và VSMT:

- Thoát nước thải:

+ Mạng lưới đường ống thoát nước thải sử dụng ống uPVC đường kính D400- D600 chôn dưới vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông trong KCN để thu nước thải từ các nhà máy, khu hạ tầng kỹ thuật, khu điều hành quản lý và dịch vụ công cộng sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung. Các đoạn đường ống đi qua đường sử dụng vật liệu ống uPVC chịu tải trọng cao.

+ Nước thải từ các nhà máy, khu điều hành dịch vụ và công cộng phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn cho phép bởi nhà đầu tư và quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật quy định theo quy định quản lý nội bộ KCN, mới được phép thoát vào hệ thống thoát nước thải. Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý tập trung của KCN phải đạt giới hạn cột A của QCVN 40:2011/BTNMT mới được phép xả vào lưu vực tiêu thoát nước của tuyến mương phía Đông KCN.

+ Trên tuyến đường ống có xây dựng các hố ga có khoảng cách các hố từ 20 đến 40 m; độ dốc đặt ống tối thiểu $i_{min} = 1/D$. Để giảm độ sâu đặt ống.

+ Xây dựng trạm xử lý nước thải công nghiệp với công suất 4.300 m³/ngày ở ô đất hạ tầng HT-06 để phục vụ cho KCN, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

+ Bố trí hồ xử lý sự cố kết hợp trong một phần diện tích của hồ điều hòa với khối tích khoảng 13.200m³ được thiết kế theo quy định và đảm bảo các quy định về xử lý nước thải bảo vệ môi trường khi xảy ra sự cố.

- Vệ sinh môi trường:

+ Khối lượng chất thải rắn của dự án dự kiến khoảng: 50,4 tấn/ngày đêm.

+ Quy trình thu gom chất thải rắn: Tại KCN, bắt buộc phải phân loại chất thải rắn tại nguồn, bố trí các thùng đựng chất thải rắn có nắp đậy kín.

+ Thu gom, xử lý chất thải rắn gồm 2 loại sau:

Loại 1: Rác thải của các nhà máy thứ cấp thì các nhà máy sản xuất sẽ có trách nhiệm tự thu gom và hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng, giấy phép liên quan để tiếp tục phân loại và vận chuyển chất thải rắn đến các bãi tập kết hoặc nhà máy xử lý theo quy định.

Loại 2: Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn phát sinh tại các khu vực dịch vụ, công cộng và dọc đường sẽ được công ty quản lý hạ tầng KCN thu gom và được các công ty dịch vụ môi trường vận chuyển đến điểm trung chuyển chất thải rắn tại lô đất HT-05 và sẽ được vận chuyển đi xử lý tại Khu xử lý chất thải rắn của khu vực.

+ Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy dọc các tuyến đường và các vị trí cố định, đặc biệt các ngã tư, điểm giao cắt. Việc thu gom, phân loại và xử lý như nêu trên.

5.4. Cấp nước:

- Nguồn cấp nước cho khu công nghiệp Thái Đào – Tân An được lấy từ NMN Bắc Giang và nhà máy nước DNP Bắc Giang theo tuyến ống hiện trạng trên đường tỉnh 299B từ nhà máy nước DNP Bắc Giang tới dẫn về bơm tăng áp đặt ở phía Tây khu vực nghiên cứu tại hạ tầng kỹ thuật HT-01, với công suất 6.300 m³/ngđ và đảm bảo đủ diện tích để mở rộng, nâng cấp trạm cấp nước khi nhu cầu tăng lên.

- Nước cho nhu cầu tưới cây, rửa đường sẽ sử dụng nguồn nước sẵn có từ các kênh thoát nước, cảnh quan xung quanh KCN hoặc sử dụng nguồn nước sau xử lý để phục vụ các nhu cầu trên.

- Mạng lưới đường ống cấp nước trong khu vực quy hoạch được tổ chức theo sơ đồ mạng lưới vòng kết hợp một số đường ống cụt tại cuối tuyến.

- Các tuyến ống được lắp đặt dọc theo đường nội bộ của khu; trên các tuyến đặt van chặn để tiện cho công tác quản lý.

- Giải pháp cấp nước chữa cháy: Chữa cháy áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hoả đến lấy nước tại các họng cứu hoả. Họng cấp nước cứu hoả được bố trí trên đường ống có đường kính $D \geq 100$. Khoảng cách giữa các trụ cứu hoả khoảng 150m.

- Đường ống được đặt dưới vỉa hè có độ sâu 0,8 - 1,0m tính từ đỉnh ống.

- Áp lực tự do trong mạng lưới bên ngoài hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vị trí dùng nước không thấp hơn 10m và không vượt quá 30m.

5.5. Cấp điện và chiếu sáng:

a) Nguồn điện

- Nguồn cấp điện: Giai đoạn đầu thực hiện, Dự án sẽ được cấp điện từ các đường dây 22kV hiện có tại khu vực. Giai đoạn hoàn thiện sẽ được lấy điện từ trạm biến áp Thái An 110/22kV với công suất 2x63MVA, đầu nối chuyển tiếp trên đường dây TBA 220kV Bắc Giang- TBA 110kV Lục Nam (mạch 2). Trạm biến áp mới được dự kiến đặt phía Đông, đặt tại lô HT-04 của KCN. Ngoài ra KCN sẽ bổ sung thêm điện năng lượng mặt trời mái nhà với công suất khoảng 38,8 MVA.

Tổng công suất tiêu thụ điện của Khu công nghiệp Thái Đào, Tân An, tỉnh Bắc Giang là khoảng 63,2 MVA.

b) Lưới điện:

- Mạng lưới trung thế:

+ Từ trạm biến áp 110/22kV của khu dự kiến xuất tuyến các lộ ra để cấp điện cho khu công nghiệp bằng các tuyến cáp ngầm 22kV có tiết diện $\geq 240\text{mm}^2$

+ Mỗi nhà máy được cấp từ RMU trong đường dây phân phối. Mỗi RMU sẽ có 02 lộ vào và ra cho các lô đất của các nhà thuê đất cạnh nhau và mỗi lộ cấp có máy cắt tải hoặc ngắt mạch với role bảo vệ để sẵn sàng mắc điện mà không làm gián đoạn đường dây phân phối.

+ Cáp trung thế 22kV được đặt ngầm trong đất, dọc các tuyến cáp có bố trí vật liệu chống tác động cơ học và lưới bảo hiệu cáp. Tại các vị trí qua đường, cáp được luồn trong ống chịu lực.

c) Trạm biến áp 22/0,4KV:

Các trạm biến áp cấp điện cho các khu hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đèn đường sử dụng trạm biến áp phân phối 22/0,4kV đặt trên vỉa hè hoặc tại các vị trí thuận tiện cho xây dựng cũng như vận hành. Trạm được đầu nối với tuyến đường dây 22kV của khu thông qua cầu dao phụ tải lắp ở đầu trạm.

d) Hệ thống chiếu sáng:

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế theo Tiêu chuẩn Thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị – TCXDVN 259:2001, QCVN 07-7: 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật phân công trình chiếu sáng.

- Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng có điện áp 380V/220V được lấy từ các trạm biến áp 22/0.4kV.

- Lưới điện chiếu sáng được thiết kế đi ngầm. Được cấp điện từ các trạm biến áp chuyên dùng. Đèn sử dụng loại đèn led cao áp có công suất từ 100W-150W, kiểu chiếu sáng 1 bên hoặc 2 bên đường tùy theo mặt cắt đường.

- Các cột đèn chiếu sáng hai bên đường bố trí trên vỉa hè dọc theo tuyến đường, cao 8-11m, khoảng cách từ 20-30m.

5.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc khu quy hoạch là hệ thống ngầm và được ghép nối vào mạng viễn thông từ bưu cục trung tâm đến.

- Căn cứ vào nhu cầu của khu tính toán được là 1.338 thuê bao cần phải sử dụng 6 sợi cáp 24 Fo để cung cấp dịch vụ mạng.

- Mạng ngoại vi:

- + Xây dựng hệ thống cống bể để luôn cáp thông tin cung cấp đường truyền cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

- + Cống cáp lắp đặt trong khu quy hoạch sử dụng loại ống nhựa siêu bền D110. Độ sâu chôn ống dưới vỉa hè là 0,5m, dưới đường là 0,7m.

- + Khoảng cách giữa các ga kỹ thuật trung bình $60m \div 70m$. Hệ thống đường ống thông tin liên lạc đặt cách chỉ giới đường 0,6m.

- + Quy hoạch các trạm BTS đảm bảo khi sử dụng công nghệ 4G, 5G đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Vị trí lắp đặt trạm BTS ưu tiên tại các khu vực công cộng, sử dụng trạm BTS hiện đại, thân thiện môi trường.

- + Nhà cung cấp dịch vụ sẽ đầu tư hệ thống đường dây, tủ phân phối theo nhu cầu thực tế của KCN.

5.7. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Đồ án đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, đảm bảo khả năng thấm hút nước tốt để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

5.8. Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật:

Hệ thống thông tin liên lạc, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa trên các trục đường đều bố trí trên phần đất hè đường và hành lang hạ tầng kỹ thuật.

6. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng

- Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện và khu xử lý nước thải, hệ thống quan trắc tự động...

- Công trình: Khu hành chính - dịch vụ, nhà xưởng sản xuất, khuôn viên cây xanh mặt nước, bãi đỗ xe, cây xanh thể dục thể thao...

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo hồ sơ quy hoạch.

Điều 2. Sở Xây dựng, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh